NHỮNG TÍN NGƯỠNG LIÊN QUAN ĐẾN NÔNG NGHIỆP CỦA NGƯỜI TÀY Ở CAO BẰNG

ĐÀM THỊ UYÊN

Từ lâu, khoa học đã xác nhận rằng, có những nghi lễ tín ngưỡng liên quan đến trồng trọt. Từ cây hoang dại thuần hoá thành cây trồng là một thành tựu vĩ đại của loài người, nhưng lúc đó do sự hạn chế, thấp kém của sức sản xuất mà trồng trọt phụ thuộc rất nhiều vào thiên nhiên, nên con người phát triển sức sản xuất thuận theo môi trường tự nhiên cho phép, nhưng cũng không đủ sức khắc phục những yếu tố thiên nhiên bất lợi tác động tới. Từ đấy, nảy sinh ra nhiều quan niệm vật linh hóa, nhân cách hoá cây trồng, đất đai, thời tiết, khí hậu... và nhiều hành động mang tính chất nghi lễ tín ngưỡng tôn giáo để làm vừa lòng các lực lượng siêu nhiên, mong phù giúp cho sản xuất nông nghiệp thuận lợi.

Kinh tế trồng trọt của các tộc người thiểu số ở miền Bắc nước ta gồm hai loại hình chủ yếu: trồng trọt trên nương rẫy và gieo cấy trên đồng ruộng, hay nói cách khác là nương rẫy và ruộng nước. Loại hình thứ nhất là nguồn sống chính của các tộc người cư trú ở vùng rẻo cao và giữa. Thuộc loại hình thứ hai gồm các tộc người sống ở vùng thấp, trong các cánh đồng, thung lũng miền núi. Các tộc người làm ruộng đã có một bước tiến dài trong công cuộc đấu tranh với thiên nhiên để phát triển sản xuất, có những phát minh, cải tiến kỹ thuật về canh tác. Chẳng hạn như, việc phát minh ra chiếc cày sắt có nhiều bộ phận phối hợp (cán cày, thân cày, cái ách, lưỡi cày và bộ phận điều khiển độ nông sâu) cùng với việc sử dụng sức kéo của trâu, bò trong sản xuất; kỹ thuật liên hoàn trong canh tác: nước - phân - cần - giống được quan tâm nhằm bảo đảm sự thu hoạch tối đa của sản phẩm cây trồng trên mảnh ruộng, làm tăng giá trị sử dụng và giá trị kinh tế của đất đai; theo đó, làm thay đổi cả quyền sở hữu ruộng đất và cơ cấu xã hội, lẫn hình thức tổ chức và loại hình làng bản.

Tộc người Tày ở tỉnh Cao Bằng cũng nằm trong khung cảnh chung vừa nêu trên. Song, do canh tác nông nghiệp trước đây của đồng bào còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, sự phát triển sản xuất chưa đủ sức khắc phục những yếu tố tự nhiên bất lợi cho cây trồng. Đây là cơ sở khách quan cho hệ thống nghi lễ tín ngưỡng liên quan đến hoạt động trồng trọt tồn tại lâu dài ở vùng người Tày. Xét về nội dung và cấu trúc, các nghi lễ tín ngưỡng nông nghiệp của người Tày ở Cao Bằng có thể chia ra nhiều loại, mỗi loại có những đặc điểm riêng. Bài viết này đề cập đến các loại nghi lễ tín ngưỡng đó.

1. Quan niệm về hồn lúa

Đồng bào Tày ở tỉnh Cao Bằng cũng như nhiều tộc người khác ở nước ta đều nhân cách hoá cây trồng. Họ cho rằng các cây trồng đều có "hồn", chúng sinh sôi nảy nở được là do yếu tố này quyết định.

Hồn lúa trong các tộc người thuộc ngôn ngữ Tày - Thái ở vùng Đông Bắc nước ta được quan niệm như những cô gái với các tên gọi cụ thể. Chẳng hạn như "*Nàng Văn*" (cô gái hạt đỏ), "*Nàng Pom*" (cô gái hạt tròn), "*Nàng Don*" (cô gái hạt trắng)... Tộc người Tày không có những tên gọi khái quát về hồn lúa mà chỉ với những tên gọi cụ thể, nhưng vẫn quan niệm hồn lúa có thật. Song, hồn lúa cư ngụ ở đâu? Ở ngoài ruộng trong vụ mùa, ở bồ thóc hay cụm thóc trong nhà?

Các tộc người làm ruộng nước đều có quan niệm tồn tại của hồn lúa và có nhiều cách ứng xử với nó giống như với các sinh linh khác. Sau mỗi vụ mùa, tộc người Thái, một trong những tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái, thường làm lễ trả ơn cho hồn lúa. Khi gặt xong, họ làm mâm cỗ mang ra ruộng đặt vào chân rạ, sau đó bện một con bù nhìn bằng rơm tượng trưng cho hồn lúa trú ngụ trong đó, rồi rước về nhà đặt trên bịch thóc với hàm ý là hồn lúa ngủ tại đây suốt mùa đông. Sang mùa xuân, đúng dịp sấm dậy, chủ nhà khẽ nhẹ nhàng đặt một quả bí - tượng trưng cho giống đực - vào bồ thóc nơi cho là giống cái, rồi vỗ nhẹ vào đó nhằm đánh thức hồn lúa dậy, để âm dương giao hoà, cầu mong lúa và hoa màu một năm mới phong đăng.

Ở người Tày tỉnh Cao Bằng trước đây, vào khoảng tháng 3, 4 âm lịch hàng năm, trước lúc gieo cấy vụ mùa, các gia đình ở một số địa phương vẫn có thói quen làm lễ "chiêu hồn" cho lúa. Mỗi nhà chuẩn bị một mâm cỗ với các lễ vật gồm một con gà, một con vịt, một quả trứng gà, một quả trứng vịt luộc chín[1], rồi bày cúng tổ tiên, hồn lúa và hồn trâu bò cùng với hồn của gia súc gia cầm khác. Khi đọc xong lời khấn, số lễ vật bằng trứng được để lại sau 3 tuần hương trầm, rồi bổ ra xem kết quả, nếu thấy phần trên trắng nhiều là hồn lúa chưa về, phải cúng lại từ đầu. Hôm cúng không cho khách vào nhà và mâm cỗ này không được cho người lạ ăn, vì sợ khách ăn mất hồn lúa của gia đình, thóc giống đem gieo sẽ không nảy mầm, mùa màng trong năm sẽ thất thu.

Qua những ý niệm về hồn lúa vừa đề cập, rõ ràng đồng bào đã nhân cách hoá cây trồng. Người ta đã gán cho lúa và các hoa mầu khác những thuộc tính của con người và tìm cách làm hài lòng nó, cầu xin, nâng niu nó... để làm thoả mãn phần nào ước mơ của con người.

2. Quan niệm về thần linh che chở mùa màng

Ngoài linh hồn, người Tày ở Cao Bằng còn quan niệm rằng, quá trình sinh sôi nảy nở, trưởng thành và ra hoa kết trái của cây trồng, tạo cơ hội cho vụ mùa bội thu còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố huyền hoặc khác. Đó là các lực lượng thần linh và ma quỷ, trên cơ sở đó làm nảy sinh biểu tượng về thần nông, các thần che chở cho mùa màng cùng với nhiều nghi lễ thờ cúng, cầu xin được phù hộ, trợ giúp.

2.1. Thần nông

Thần nông là biểu tượng duy linh xuất hiện khá sớm trong lịch sử nhân loại. Nhà dân tộc học Liên Xô (cũ) Tocarep viết: "Sự thờ cúng nghề nông (hoặc nghề nông, nghề chăn nuôi)... được phát triển lên từ thời bình minh của xã hội có giai cấp. Nó là sự phản ánh hình thái ý thức của cuộc sống công xã nông thôn với những lợi ích kinh tế của nó: Sự thờ cúng thần bảo vệ các công

[1] Trứng gà biểu trưng cho hồn lúa ở nương, trứng vịt biểu trưng cho hồn lúa ở ruộng.

xã ở địa phương, đồng thời cũng là thần bảo vệ của nông nghiệp và các nguồn kinh tế khác" (Tocarep, 1956). Trong tâm thức của các tộc người sống bằng nghề nông, hình ảnh thần linh này khá sâu nặng, giữ vai trò trung tâm trong các tín ngưỡng liên quan đến nông nghiệp.

Theo quan niệm của người Tày, Nùng, thần nông là một lực lượng siêu nhiên phụ trách công việc nông tang, thẩm định thời vụ, giữ nước cho đồng ruộng, chăm nom bảo vệ mùa màng. Bên cạnh thần nông, còn có hai vị thần khác là thần nắng và thần mưa, có ảnh hưởng trực tiếp tới muôn loài ở trần thế. Tuy nhiên, hai thần này lại hay xích mích nhau, làm cho mưa nắng thất thường, ít khi mưa thuận gió hoà, lúc hạn hán kéo dài, lúc lụt lội tràn lan... làm cho mùa màng thất bát, dân tình đói khổ. Bởi vậy, đồng bào Tày thường tổ chức lễ cúng thần nông vào đầu xuân và vào ngày 6 tháng 6 âm lịch hàng năm với mục đích cầu mong thần nông sai khiến hai thần kia lo làm tròn trách nhiệm, đảm bảo mưa nắng thuận hòa.

Với người Tày, hình ảnh thần nông rất khả biến. Trong các văn bản mo, then của các tộc Tày, Nùng, đây là vị thần cai quản trên thượng giới, là xứ sở của cư dân nông nghiệp. Ở đó có những cánh đồng bát ngát, sông suối uốn khúc, làng xóm trù mật, cây trồng xanh tốt... Còn theo truyện kể dân gian, nhiều khi thần nông lại đồng nhất với thần thổ địa. Trong khi đó, người Tày ở miền Đông tỉnh Cao Bằng lại có quan niệm rằng, thần nông do Nùng Trí Cao biến thành.

Hàng năm, đồng bào Tày ở các địa phương phía Đông tỉnh Cao Bằng tổ chức lễ cúng thần nông đúng vào ngày 6 tháng 6 hoặc một ngày Mão bất kỳ trong tháng 6 âm lịch. Từ sáng sớm ngày hôm đó, người đại diện từng hộ gia đình trong bản đến tập trung tại miếu hay đền thờ thần nông để chuẩn bị các lễ vật cúng. Người ta giết 1 con bò đen, 1 con chó mực, 7 con gà, 3 con vịt, rồi bày mâm cùng với nhiều lễ vật khác, trong đó có nhiều bông lúa để tế lễ. Việc cúng bái do thầy tào, thầy mo chủ trì và lo liệu. Các thầy tự phân công nhau, cụ thể là: một người chuyên việc cầu khấn, kể về lai lịch, công lao của thần nông và các vị thần khác từ Tam Hoàng Ngũ Đế đến các thổ thần ngự trị trong vùng, và cầu mong các vị linh thần che chở cho mùa màng, cho người và gia súc; một người khác chuyên rót rượu, và một người nữa làm nhiệm vụ thắp hương. Sau khi cúng xong, một phần lễ vật đã dâng cúng được làm cỗ cho mọi người cùng ăn tại chỗ, phần khác đem chia theo hộ và nhất thiết có vài bông lúa. Những bông lúa này phải mang về trộn với số thóc giống của gia đình để làm vật chứng nhận được sự phù hộ của thần nông.

Nhiều địa phương, sau buổi tế lễ chung cả bản, mỗi nhà còn làm lễ riêng để cúng thổ công tại chân ruộng của mình, gọi là lễ "*Thặng Nà*", được tổ chức khi ruộng nương của gia đình đã gieo cấy hết. Để làm lễ, gia đình giết một con vịt luộc chín, nấu xôi rồi mang theo vàng mã, hương trầm ra đặt trên bờ ruộng của nhà mình, sau đó thắp hương cúng khấn. Cúng xong, họ ném một ít xôi xuống ruộng, lấy lông gà hoặc vàng mã kẹp vào đầu các thanh que để cắm xung quanh bờ ruộng, cũng có thể vãi những thứ đó ra ruộng, với ý là bố trí thức ăn, vàng bạc cho các thần linh và ma quỷ ngụ tại vùng đó, mong chúng trông coi đồng ruộng.

2.2. Thần sông nước - vua thuồng luồng

Khái niệm thần sông nước, tức vua thuồng luồng, cũng thường gặp ở những tộc người có trình độ kinh tế nông nghiệp khá phát triển, sinh tụ trong thung lũng lưu vực các sông ở miền núi phía Bắc. Theo các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái, con thuồng luồng được coi là vua hay thần sông nước, chuyên cai quản vùng sông nước. Vị vua này thường cư ngụ ở khúc sông có vực sâu, có phép làm cho mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt. Nếu để vua thuồng luồng tức giận sẽ sinh ra lũ lụt, hạn hán, mùa màng thất thu.

Các tộc người Tày, Nùng ở vùng Đông Bắc trước đây, trong đó có tỉnh Cao Bằng, các bản nằm trên các khu vực sông nước thường lập miếu hay đền để thờ cúng con thuồng luồng. Hàng năm, vào những dịp tế lễ phải có lễ vật bằng lợn, gà, vịt... Có nơi như ở huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng, vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, đồng bào có tục lệ: cứ 3 năm một lần, phải có trâu trắng hiến tế cho thần sông nước ở chỗ ngã ba sông Gâm và sông Neo vào tháng 4 âm lịch.

3. Những lễ hội liên quan đến nông nghiệp

Trên cơ sở sinh trưởng tuần hoàn của cây trồng, đã sản sinh quan niệm của nhiều tộc người ở nước ta cho rằng, vụ mùa sản xuất hàng năm kết thúc vào tháng 10 âm lịch, sau đó bước vào thời kỳ nông nhàn, tức từ mùa đông năm trước đến đầu mùa xuân năm sau. Trong khoảng thời gian đó, hòn đất và muôn vật tạm ngừng hoạt động: đất đai khô cằn, cây cỏ xác xơ. Chỉ trong dịp xuân, khi nghe thấy tiếng sấm kêu báo hiệu thời tiết ấm áp, mùa cây cỏ đâm chồi nảy lộc thì công việc đồng áng trong năm mới bắt đầu. Người nông dân các tộc người chờ phút giao cảm đó của khí trời với khí đất cùng cây cối với nhiều cách thức khác nhau. Chẳng hạn như tộc người Thái ở Tây Bắc, khi nghe tiếng sấm đầu tiên trong năm, chủ nhà thức dậy lấy tay vỗ nhẹ vào bịch thóc nhằm đánh thức hồn lúa dậy. Sau đó, họ dựng một cái cốt trên cắm hoa lúa và "*ta leo*" bằng một tấm phên mắt cáo lên bịch thóc, rồi nhóm ngọn lửa mới, lấy nước mới từ sông suối hay giếng về rửa cái "*ninh*", tức chõ đồ cơm ăn hàng ngày để đặt trên bếp lửa mới. Nghi thức thường thấy phổ biến ở nhiều tộc người nước ta, Nam Trung Quốc và Đông Nam Á là người dân ra suối rửa mặt mũi, chân tay, rồi về nhà bày lễ cúng tổ tiên, thần đất để cầu mong phù trợ cho mùa màng tươi tốt, phong đăng và hứa sẽ trả công sau vụ gặt.

Từ mùa xuân trở đi cho đến hết chu trình sản xuất một năm, người dân đều tổ chức nhiều lễ hội liên quan đến nông nghiệp, vừa mang bản sắc văn hoá tộc người, vừa thể hiện tính địa phương và sắc thái mỗi cộng đồng rõ rệt. Riêng người Tày ở tỉnh Cao Bằng, không ít lễ hội khá tiêu biểu, có thể kể một số như sau:

3.1. Hội Lồng tồng (hội xuống đồng)

Với người Tày ở Cao Bằng, hội *Lồng tồng* vừa đượm màu sắc tôn giáo, vừa mang tính chất vui chơi giải trí. Đồng bào quan niệm rằng, đất đai và mọi sinh vật ngừng hoạt động trong mùa đông lạnh giá, và thời gian này thần nông cùng thần đất cũng tạm không có mặt ở hạ giới. Lễ hội *Lồng tồng* có nhiệm vụ đón rước các linh thần trở về mặt đất để phù hộ cho cây trồng nảy nở và phát triển. Bởi vậy, trong hội *Lồng tồng* vừa

tổ chức lễ cúng khấn các thần linh của các thầy tào, thầy mo với nhiều lễ vật hiến tế, vừa diễn ra các trò chơi mừng ngày trở lại của các thần linh, mừng năm mới làm ăn phát đạt.

Hội *Lồng tồng* được tổ chức trên đồng ruộng hoặc bãi đất bằng ven chân núi của bản. Thông thường, người ta tổ chức ở ngoài trời, những nơi có điều kiện thì dựng rạp ở chỗ làm lễ cúng. Thời điểm tổ chức hội tùy theo quy định của địa phương, thường diễn ra trước ngày 15 tháng Giêng âm lịch hàng năm, với thời gian từ 1 đến 3 ngày. Ngày hôm đó, đại diện các gia đình giết lợn, mổ gà, vịt làm cỗ bàn cúng thần linh tại nơi diễn ra lễ hội. Ngoài thực phẩm bằng thịt, rượu, bánh trái... trên mâm lễ còn bày cả hương trầm, vàng mã và vài bông lúa, quả còn nhiều màu sắc. Sau khi chuẩn bị xong, người trong ban cúng tế thắp hương lên bài vị trong bát hương để thầy mo, bà then khấn mời thần nông, thổ thần và các thần linh khác ngự trị trong vùng đến dự lễ và chứng giám lòng thành của con người, cầu mong các thần đó phù hộ cho dân bản luôn khỏe mạnh, năm mới làm ăn phát đạt. Cầu khấn xong, một người có vai vế trong vùng, hay một trưởng họ có uy tín nào đó sẽ cày luống cày đầu tiên, biểu trưng cho việc cày bừa, gieo trồng trong năm mới có thể bắt đầu từ hôm nay.

Trong hội *Lồng tồng* rất đông người từ xa đến gần nô nức về tham dự. Người ta tổ chức nhiều trò chơi mang nhiều sắc thái văn hóa dân tộc: ném còn, múa sư tử, đánh cờ người, kéo co, hát *sli*, hát *lượn*... Đây cũng là dịp để bà con thân thích, bạn bè gần xa qua lại thăm hỏi nhau, để sau đó bước vào mùa sản xuất mới. Đây cũng là dịp tốt cho thanh niên nam nữ làm quen, tìm lấy ý trung nhân.

Ngày nay, lễ hội *Lồng tồng* được duy trì và tổ chức hàng năm ở nhiều địa phương trong tỉnh Cao Bằng, nhưng thời gian lễ hội đã được rút ngắn, việc cúng bái cũng đã giảm bớt nhiều. Trong khi đó, phần hội lại được bổ sung thêm nhiều loại trò chơi, trò diễn văn nghệ, kể cả thi đấu thể thao, bởi vậy, ở nhiều nơi hội *Lồng tồng* đã trở thành hội vui xuân của người dân địa phương.

3.2. Ngày Hội vui và nghi lễ liên quan đến sự phồn thực

Ngày Hội vui có liên quan tới sự phồn thực, âm dương tượng trưng cho sự phong đăng, phồn thịnh của cư dân nông nghiệp, trong đó có người Tày ở Cao Bằng.

Trước Cách mạng tháng Tám, người Hmông ở xã Đường Thượng thuộc huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang và người Tày ở trên đường từ huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang đi huyện Bảo Lạc thuộc tỉnh Cao Bằng còn tổ chức ngày Hội vui vào ngày 15 tháng 3 âm lịch hàng năm. Trong dịp Hội vui này, người Hmông cũng như người Tày tự do chơi bời, hát xướng, tình tự lẫn nhau trong 3 ngày. Theo phong tục, trai gái tuy đã có vợ có chồng nhưng không ai được ghen tuông hay ngăn cấm. Qua 3 ngày đó, mọi người trở lại nếp sống bình thường. Theo ý kiến của họ, "Nếu năm nào mà trong làng không tổ chức cuộc lễ vui đó, nhất định mùa màng sẽ bị thất thu, nhân dân trong làng không được bình yên" (Lâm Tâm, 1961).

3.3. Hội Hai (hội Trăng)

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, sau những năm mùa màng thất thu,

vào dịp xuân mới, nhiều địa phương người Tày ở tỉnh Cao Bằng còn tổ chức lễ hội *Hai* để đón rước mẹ trăng. Trước khi tổ chức hội, người ta mời bà Then chủ trì lễ hội, gọi là nàng Cả hay mẹ Cả. Sau đó, chọn thêm hai cô gái xinh đẹp, hát hay múa giỏi, biết ứng xử nhanh và khéo léo để đóng vai Hằng Nga và Bóng Nguyệt; và hơn chục trai thanh, gái tú làm nhiệm vụ múa hát trong buổi lễ.

Hội *Hai* thường tổ chức vào cuối tháng 3 âm lịch, nhưng từ cuối tháng 11, chậm nhất là đầu tháng 12 năm trước, người ta đã chuẩn bị cho lễ hội này. Cụ thể là phải dựng một ngôi nhà tạm loại 3 hay 5 gian trên một đám ruộng bằng phẳng và cao ráo, cũng có thể dựng ở trong khu đất cao nơi gần sông suối của bản. Nhà này tuy tạm thời nhưng phải đáp ứng được yêu cầu rộng rãi và chắc chắn. Đó là nhà nàng Hai, trong nhà có một buồng nhỏ, cùng giường và bếp, đủ cho nàng Cả và 2 nàng Hai sinh sống. Tại nhà này, *mẻ Cốc* (mẹ Cả) phải chuyên dạy múa hát, xóc nhạc cho hai cô gái đóng vai nàng Hai trong 1 hoặc 2 tháng. Ngoài phần buồng, trong nhà còn bố trí thêm sân khấu cho nàng Hai, xung quanh sân được rào đến ngang ngực người đứng, bên trong có sàn rạp. Sân khấu của nàng Hai có cửa Đông và cửa Tây, khi hành lễ, mỗi cửa có một chàng trai đứng gác gọi là *Khủ Tiếu*, đầu buộc khăn lụa xanh, mình mặc áo lụa đỏ, thắt lưng cũng màu xanh.

Trên sàn rạp có đặt bàn thờ và treo một tấm vải đỏ hoặc đen được thêu hay vẽ hình mặt trăng lưỡi liềm màu trắng. Trên bàn thờ có cắm hoa "*Bjoóc lồm*" hay "*Khảo quang*"; có vàng mã, hoa giấy, chim én giấy… treo đầy trước bàn thờ. Cạnh bàn thờ là một dãy bàn dùng để bày các lễ vật cúng như: xôi nếp, bỏng nếp, nhiều loại bánh khác nhau, gà luộc, rượu...

Khi hành lễ, mẹ Cả trong trang phục áo chàm mới, hai cô gái đóng vai nàng Hai thì một người mặc trang phục màu hồng, người kia mặc màu vàng. Họ đứng trước bàn thờ khói hương nghi ngút, rồi mẹ Cả làm phép hóa thân cho hai cô đóng nàng Hai bằng cách thở 3 lần khói hương để hồn người trần thoát xác, cho hai nàng Hai trên trời xuống nhập vào hai cô gái. Sau đó, mẹ Cả và hai cô nàng Hai dẫn đầu đoàn người trần lên thiên giới mời Hằng Nga về dự lễ. Đoàn đi qua cánh đồng, vượt non ngàn, hú gọi vía, tới mường trời họ gặp các mẹ của Hằng Nga.

Đầu tiên, đoàn người đẹp gặp mẹ nàng Lạn Ba và kêu xin mẹ ngừng vỗ sóng và mở cửa cho đoàn đi lễ. Đoàn xin áo Mường trời để thay và tiếp tục hành trình. Họ gọi đò vượt sông nước, rồi vào trình diện mẹ nàng Khắc Cơ - người chuyên giữ thóc giống, để xin cho thóc. Sau đó, họ phải trình diện mẹ nàng Bích Vân để xin thêm thuyền và quân phụ (*Suông*) giúp chở thuyền thóc giống qua Ngân Hà. Họ lại gặp mẹ nàng Bích Lan xin giống vải và cây dâu tằm, gặp mẹ nàng Lượng Tám xin con giống tằm, gặp mẹ nàng Ma Mỳ cầu xin mẹ nhốt kỹ sâu bọ, chớ thả chúng xuống trần gian phá hoại lúa và hoa màu... Đi đến đâu, đoàn đều ngỏ lời các mẹ Hằng Nga xuống trần gian tham dự lễ (Triều Ân, 1997, tr. 6).

Trên Mường trời, sau khi được giúp đỡ và thoả mãn mọi nhu cầu, đoàn người đẹp lại trèo thuyền qua sông Ngân Hán trở về trần gian. Họ mở hội cám ơn các mẹ Hằng Nga, chia và phát thóc giống, cây con cho các bản mường tham gia lễ hội. Để kết thúc phần lễ, một cụ già lấy bỏng nếp tung theo một

hướng nhất định với ý nghĩa tượng trưng cho sự phát đạt của vụ mùa sắp tới.

Ngày cuối cùng của hội *Hai* là hội vui, ca hát. Những người già đặt vấn đề và hỏi nàng Hai các nội dung về tình hình cuộc sống của cư dân trần gian, phương thức phòng tránh một số thiên tai, tệ nạn xã hội, cuộc đời số phận éo le của một số người... Còn các bạn trẻ thì hỏi nàng Hai về tình duyên, tình hình vui chơi, ca hát. Những vấn đề hỏi và đối đáp của mọi người với nàng Hai có thể bằng thoại văn nhưng chủ yếu là thơ ca, do đó, mọi việc diễn ra thật vui nhộn, thấm đậm tính nhân văn sâu sắc.

Để kết thúc hội *Hai*, mẹ Cả phù phép tiễn đưa nàng Hai trở về trời, hai cô gái đóng vai trở lại với cuộc sống con người thực trước đó. Người ta đốt vàng mã, thu dọn bàn thờ và các lễ vật.

Hội *Hai* có thể bắt nguồn từ thời huyền sử, cho rằng thần Trăng có trước thần Mặt trời. Trải qua các giai đoạn thời đá giữa, đá mới và nó vẫn tồn tại với thần Mặt trời từ thời đại đồ đồng ở những cư dân nông nghiệp.

3.4. Lễ cầu mưa vào tháng 4 âm lịch

Ở người Tày Cao Bằng và một số tộc người khác ở Việt Bắc có tục tổ chức lễ cầu mưa vào ngày 12 tháng 4 âm lịch hàng năm. Lễ này được tiến hành ở miếu hay đền thờ thần Sông nước. Họ thường mổ lợn, gà... thậm chí mổ cả trâu để làm lễ cúng. Nghiên cứu cho thấy, từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, việc mổ trâu làm Lễ cầu mưa đã trở thành tục phổ biến của người Tày ở huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

Rất nhiều vùng còn có tục, trong lễ cầu mưa, trai gái đập trống, đập mẹt bắt chước tiếng sấm hoặc tuốt lạt hay lá cọ bắt chước tiếng mưa rơi. Ngày đó, họ còn rủ nhau ra sông, ra suối tắm để nguyên quần áo đi vòng quanh bản, tỏ lòng mong có nước để làm ruộng. Hội "Té nước" ở người Lào hoặc người Thái cũng mang ý nghĩa cầu mưa như vậy.

3.5. Lễ "Khoăn vài", "Khoăn mò" (Chiêu hồn cho trâu, bò)

Trước đây, vào tháng 6 âm lịch hàng năm, khi vụ cày bừa, gieo cấy sắp kết thúc, người Tày thường làm lễ Chiêu hồn cho trâu, bò. Họ cho rằng, sau một vụ cày bừa nặng nhọc, hồn trâu và hồn bò do lo sợ mà di tản đi nơi khác nên phải làm lễ Chiêu hồn cho chúng.

Ngay trên đám ruộng được cấy sau cùng, người ta phải chú ý đến việc giải thoát hồn trâu, bò. Cụ thể, họ cấy thửa ruộng này bắt đầu từ bờ cao trở ra, khi cấy gần hết thửa thì trừ một lối nhỏ và khấn: "*Khoăn vài khoăn mò ơi khẩu cằn pây mừa lố*" (Hồn trâu hồn bò ơi hãy vào bờ mà về đi). Sau đó, họ cấy tiếp cho kín ruộng.

Có địa phương, khi cấy xong ruộng, người ta còn bày mâm lễ vật gồm thịt gà, thịt vịt, xôi, trứng, hương trầm và vàng mã để gia chủ hoặc thầy mo làm lễ gọi hồn cho trâu, bò. Nghi lễ này được tiến hành trên nhà hoặc dưới chuồng trâu. Trước khi lễ, chủ lễ tay cầm một bó cỏ, một chiếc dây thừng, rồi thắp hương, rót rượu lên mâm lễ, sau đó mới khấn gọi hồn trâu, bò. Tại huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, người ta khấn: "*Ơi mà khoăn vài! Vài thư thây chết vằn liền nắc, vài thư phưa chết vằn liền lải, khoăn vài ni mừa đán. Khoăn vằn tản mừa phja, ni mừa thỉ thần Nông tạo nà, ni mừa thâng ông Điền thổ... ơi, mà khoăn vài*" ("Ơi, hồn trâu về đi! Trâu cày bảy ngày là nặng, trâu bừa bảy ngày là một.

Hồn trâu chạy về núi cao, chạy về nơi thần Nông tạo thóc, chạy về chỗ ông Điền thổ... ơi về đi hồn trâu ơi"). Cúng khấn tại gia xong, gia chủ lại ra bờ ruộng, ven rừng hú gọi tiếp để hồn trâu, bò đi về chuồng.

Cúng xong, họ bổ quả trứng ra xem, nếu thấy phần dưới lòng trắng nhiều hơn là hồn trâu đã về, ngược lại thì hồn trâu, bò chưa về, phải cúng lại từ đầu.

3.6. Lễ Cơm mới

Lễ Cơm mới được tổ chức trong nhà, với hàm ý là trả lễ cho tổ trên đã phù hộ mùa màng trong năm tươi tốt, nay đã được thu hoạch. Nghi lễ được tổ chức vào tháng 8 âm lịch, lúc lúa sớm đã chín, sắp bước vào mùa gặt hái. Trước hết, người ta gặt một ít thóc đầu mùa mang về phơi khô, xay giã thành gạo trắng, rồi nấu cơm vừa dẻo vừa thơm ngon. Nếu lúa chưa kịp chín tới, họ ngắt lấy vài bông lúa mới bỏ vào nồi cơm gạo cũ để có hương vị lúa mới, coi đó là cơm gạo mới. Sau đó, mang cơm mới cùng mâm thức ăn gồm thịt, cá, rượu và một bát canh hỗn hợp mướp, khoai sọ, bầu, bí, rau... bày lên bàn thờ gia tiên cúng. Chủ gia đình khấn lạy trước bàn thờ, kể về công lao của tổ tiên và các gia thần đã phù hộ, công thành đã tới và mong các linh thần tiếp tục theo dõi, phù giúp cho công việc gia đình về sau.

Khi cúng kết thúc lễ cúng, người ta mang những bông lúa đã hấp trong nồi cơm cắm vào các bát hương hay cài trên vách bàn thờ. Sau đó, dọn cơm ăn để gia đình mọi người cùng hưởng lộc. Mâm cơm này không để khách lạ ăn cùng.

Nhận xét

Cho đến nay, người Tày ở Cao Bằng vẫn duy trì và thực hành nhiều nghi lễ tín ngưỡng liên quan đến nông nghiệp, kể cả chăn nuôi. Đồng bào vẫn coi hạt thóc, cây lúa cùng các loại cây trồng và vật nuôi đều có linh hồn, cho đó là yếu tố quyết định đến sự phát triển của cây trồng và vật nuôi, ảnh hưởng tới năng suất thu hoạch. Họ còn cho rằng, không ít yếu tố khác tác động sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi như đất đai, sông nước, mưa nắng, mặt trăng, kể cả nghề nông... cũng có thần linh điều khiển, do đó, cần làm lễ để cầu mong sự phù hộ từ các vị thần này.

Các nghi lễ nông nghiệp đã và đang tồn tại trên các địa phương người Tày ở Cao Bằng không chỉ đa dạng về hình thức mà còn phong phú về nội dung, thể hiện bản sắc văn hóa tộc người và tính nhân văn sâu sắc, góp phần củng cố khối đoàn kết bản làng, tạo ra không khí thi đua lao động sản xuất, cùng nhau tổ chức lễ hội và bảo lưu các đặc điểm văn hóa Tày.

Tài liệu tham khảo

1. Triều Ân (1997), *Lễ hội Hằng Nga*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

2. Lã Văn Lô, *Chế độ Thổ ty ở Việt Nam*, Tài liệu lưu trữ ở Thư viện Viện Dân tộc học, ký hiệu D 275.

3. Lâm Tâm (1961), "Hôn nhân và gia đình của một số dân tộc thiểu số ở Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 26.

4. Tocarep, X. A. (1956), "Vấn đề nguồn gốc và những hình thái đầu tiên của tôn giáo", *Những vấn đề Triết học*, Số 6 (Bản dịch của Phòng tư liệu Khoa Lịch sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội).